

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11 - TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 10-9-2025

V/v tranh chấp về cấp dưỡng nuôi
con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Quốc.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Thiết Lập;

Ông Bùi Đắc Nghĩa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Quốc Việt – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 11, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Mỹ – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 86/2025/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 3 năm 2025 về tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Ngọc A, sinh năm 1993; CCCD số 070193000070, ngày cấp: 28/6/2021, nơi cấp: Bộ C1. Nơi cư trú: Thôn (khu) Đức Lập, xã B, tỉnh Đồng Nai (địa chỉ cũ: Tổ G, ấp F, xã T, tỉnh Tây Ninh) có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1981; CCCD số 072081008526, ngày cấp: 08/7/2021, nơi cấp: Bộ C1. Nơi ĐKTT: Tổ G, ấp F, xã T, tỉnh Tây Ninh; nơi tạm trú: Ấp V, xã L, tỉnh Đồng Nai (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 21 tháng 02 năm 2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị Ngọc A trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn C đã chấm dứt quan hệ hôn nhân từ năm 2022 tại Quyết định số 497/2022/QĐCNTTLH, ngày 30-11-2023 của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (tuy nhiên do Quyết định ghi năm 2023 là sai,

thực tế là ngày 30-11-2022 mới đúng). Theo quyết định ly hôn thì chị được quyền nuôi 03 con chung tên Nguyễn Thái B, sinh ngày 07-7-2014, Nguyễn Ngọc Tố M, sinh ngày 30-10-2015 và Nguyễn Ngọc Thanh H, sinh ngày 05-9-2018, việc cấp dưỡng nuôi con tự thỏa thuận. Sau khi ly hôn đến năm 2024 khi 03 con chung bị bệnh phải nhập viện, anh C có giao cho chị được số tiền 11.000.000 đồng phụ chi tiền viện phí, thuốc cho các cháu, ngoài ra không giao số tiền nào cả.

Khi ly hôn anh C có hứa sẽ phụ tiền nuôi các con chung nhưng không thực hiện như đã hứa, chị có yêu cầu lần nhưng anh C không thực hiện, mặc dù anh C có nghề chụp ảnh, cạo mủ cao su và nhiều công việc khác có thu nhập bình quân khoảng 15.000.000 đồng/tháng. Hiện nay anh C đã có vợ khác sống tại ấp V, xã L, tỉnh Đồng Nai.

Chị thì làm nghề cạo mủ cao su và làm thêm công việc bán máy lọc nước cho Công ty nhận tiền trên sản phẩm, thu nhập mỗi tháng khoảng 12.000.000 đồng nhưng không chi tiêu đủ cho các con nên mới yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi các con nhưng anh C không thực hiện. Hiện nay các con vẫn sinh sống ổn định với chị.

Nay chị yêu cầu Tòa án buộc anh Nguyễn Văn C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 03 con chung cùng chị mỗi tháng 1.500.000 đồng/01 cháu/tháng X 03 cháu = 4.500.000 đồng/tháng/03 cháu cho đến khi các cháu thành niên. Hiện nay vợ chồng không có tài sản chung nào khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Văn C có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn như sau:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị A về việc giữa anh với chị A đã chấm dứt mối quan hệ hôn nhân theo Quyết định số 497/2022/QĐCNTTLH, ngày 30-11-2023 của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, theo quyết định này thì chị A được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 03 con chung tên Nguyễn Thái B, sinh ngày 07-7-2014, Nguyễn Ngọc Tố M, sinh ngày 30-10-2015 và Nguyễn Ngọc Thanh H, sinh ngày 05-9-2018 và việc cấp dưỡng nuôi con chung tự thỏa thuận.

Hiện nay anh đang làm thuê cạo mủ cao su có thu nhập bình quân khoảng 7.000.000 đồng/tháng, có khi được khi không và anh cũng đã có vợ khác sống tại nhà vợ thuộc ấp V, xã L, tỉnh Đồng Nai.

Nay chị A yêu cầu anh có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 03 con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng/01 cháu/tháng X 03 cháu = 4.500.000 đồng/tháng/03 cháu cho đến khi các cháu thành niên thì anh không đồng ý yêu cầu của chị A, nếu chị A không có điều kiện nuôi các con thì yêu cầu giao các con chung lại cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, anh không yêu cầu cấp dưỡng hoặc chia con chung ra mỗi người tự nuôi dưỡng, anh đồng ý nuôi 02 con chung (cháu nào cũng được), còn chị Anh N 01 cháu. Hiện nay vợ chồng không có tài sản chung.

Tại phiên tòa, chị Trần Thị Ngọc A trình bày: Theo chị biết thì hiện nay anh Nguyễn Văn C làm nghề cao mủ cao su thuê, không biết mỗi tháng thu nhập bình quân số tiền bao nhiêu nhưng thông qua mạng xã hội (Zalo, Facebook..) do vợ mới anh C đăng tải thì chị nghĩ thu nhập của anh C đủ điều kiện cấp dưỡng nuôi 03 con chung mỗi tháng 4.500.000 đồng nên chị vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Đối với tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn đã bán chia xong, không phải để cấp dưỡng nuôi con như anh C trình bày.

Anh Nguyễn Văn C vẫn giữ nguyên lời trình bày như khi giải quyết vụ án và trình bày bổ sung: Khi sống chung vợ chồng có tạo lập tài sản chung khoảng hơn 01 ha đất trồng cao su nhưng khi ly hôn anh giao cho chị A hết để sau này lo cho các con nhưng không lập văn bản thỏa thuận, hiện chị A đã bán cho người khác nên nay anh không đồng ý yêu cầu của chị A. Trường hợp chị A không có điều kiện nuôi các con thì yêu cầu giao các con chung lại cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, anh không yêu cầu cấp dưỡng hoặc chia con chung ra mỗi người tự nuôi dưỡng, anh đồng ý nuôi 02 con chung, còn chị Anh nuôi 01 cháu.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ theo trình tự thủ tục, thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện các thủ tục đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, không xảy ra vi phạm về tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

Về việc quyết vụ án: Căn cứ lời khai của các đương sự và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như ý kiến tranh tụng tại phiên tòa thì yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Ngọc A có căn cứ chấp nhận một phần. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 81, 82, 83, 107, 110 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16-5-2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong việc giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Ngọc A đối với anh Nguyễn Văn C về tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con. Buộc anh Nguyễn Văn C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 03 con chung tên Nguyễn Thái B, sinh ngày 07-7-2014, Nguyễn Ngọc Tố M, sinh ngày 30-10-2015 và Nguyễn Ngọc Thanh H, sinh ngày 05-9-2018 mỗi tháng 1.000.000 đồng/01 cháu (3.000.000 đồng/03 cháu/tháng) cho đến khi các cháu thành niên.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Ngọc A đối với anh Nguyễn Văn C về yêu cầu cấp dưỡng nuôi 03 con số tiền 1.500.000 đồng/03 cháu/tháng.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn C phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về nội dung tranh chấp: Chị Trần Thị Ngọc A và anh Nguyễn Văn C thừa nhận quan hệ hôn nhân giữa anh, chị đã chấm dứt theo Quyết định số 497/2022/QĐCNTTLH, ngày 30-11-2022 của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh và theo quyết định chị A được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 03 con chung tên Nguyễn Thái B, sinh ngày 07-7-2014, Nguyễn Ngọc Tố M, sinh ngày 30-10-2015 và Nguyễn Ngọc Thanh H, sinh ngày 05-9-2018, việc cấp dưỡng nuôi con chung không yêu cầu giải quyết. Từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến nay anh C không có đóng góp (cấp dưỡng) cùng chị A để nuôi các con chung nên chị A khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Văn C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 03 con chung mỗi tháng 4.500.000 đồng/03 cháu (mỗi cháu 1.500.000 đồng/tháng) nhưng anh C không đồng ý.

[2] Xét yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị Trần Thị Ngọc A, Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo Quyết định số 497/2022/QĐCNTTLH, ngày 30-11-2022 của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh thì chị Trần Thị Ngọc A được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 03 con chung tên Nguyễn Thái B, sinh ngày 07-7-2014, Nguyễn Ngọc Tố M, sinh ngày 30-10-2015 và Nguyễn Ngọc Thanh H, sinh ngày 05-9-2018, anh Nguyễn Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con. Trong quá trình giải quyết vụ án chị A và anh C thừa nhận, từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến nay anh C không có cấp dưỡng cùng chị A để nuôi các con chung.

[2.1] Căn cứ quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình thì “Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con” và theo quy định tại Điều 110 của Luật Hôn nhân và Gia đình “Cha, mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên, con đã thành niên không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình trong trường hợp không sống chung với con hoặc sống chung với con nhưng vi phạm nghĩa vụ nuôi dưỡng con”. Do đó chị Trần Thị Ngọc A yêu cầu anh Nguyễn Văn C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 03 con chung cùng với chị A là có căn cứ, phù hợp với các quy định của pháp luật về hôn nhân gia đình.

[2.2] Về mức cấp dưỡng nuôi con: Xét thấy, chị A yêu cầu anh Nguyễn Văn C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các con chung tên Nguyễn Thái B, sinh ngày 07/7/2014, Nguyễn Ngọc Tố M, sinh ngày 30/10/2015 và Nguyễn Ngọc Thanh H, sinh ngày 05/9/2018, mỗi tháng 4.500.000 đồng/03 cháu (mỗi cháu 1.500.000 đồng/tháng) nhưng anh C không đồng ý. Căn cứ khoản 2 Điều 7 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16-5-2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong việc giải

quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình quy định “Tiền cấp dưỡng cho con là toàn bộ chi phí cho việc nuôi dưỡng, học tập của con và do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định mức cấp dưỡng căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng...”. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án anh C cung cấp mức thu nhập bình quân mỗi tháng của anh là 7.000.0000 đồng, chị A không biết và không chứng minh được mức thu nhập bình quân mỗi tháng của anh C là bao nhiêu. Do đó, chị Trần Thị Ngọc A yêu cầu anh Nguyễn Văn C cấp dưỡng nuôi 03 con chung mỗi tháng 4.500.000 đồng là quá cao so với thu nhập bình quân của anh C nên Hội đồng xét xử xem xét buộc anh C cấp dưỡng nuôi 03 con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng/03 cháu là phù hợp với thực tế của anh C hiện tại.

[3] Xét việc anh Nguyễn Văn C trình bày khi ly hôn anh đã giao hết tài sản chung cho chị A để lo cho các con nhưng chị A không thừa nhận và anh C cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Ngoài ra, anh C cho rằng trường hợp chị Trần Thị Ngọc A không có điều kiện nuôi các con thì giao cho anh trực tiếp nuôi 02 con chung, anh không yêu cầu cấp dưỡng nhưng anh C không có đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và hiện anh C đã có vợ khác, chưa có nhà riêng, đang sống chung với nhà vợ nên chưa đảm bảo điều kiện nuôi các con chung. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét lời trình bày này của anh C.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Từ những phân tích trên, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Ngọc A đối với anh Nguyễn Văn C về việc tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con. Buộc anh Nguyễn Văn C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 03 con chung tên Nguyễn Thái B, sinh ngày 07-7-2014, Nguyễn Ngọc Tố M, sinh ngày 30-10-2015 và Nguyễn Ngọc Thanh H, sinh ngày 05-9-2018, mỗi tháng 3.000.000 đồng (1.000.000 đồng/tháng/01 cháu) cho đến khi các cháu thành niên (đủ 18 tuổi), thời gian cấp dưỡng được tính từ ngày tuyên án (ngày 10-9-2025).

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Ngọc A đối với anh Nguyễn Văn C về yêu cầu cấp dưỡng nuôi 03 con số tiền 1.500.000 đồng/03 cháu/tháng.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn C phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 82, 107, 110 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16-5-2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong việc giải quyết vụ việc về hôn nhân và

gia đình và Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Ngọc A đối với anh Nguyễn Văn C về việc tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con. Buộc anh Nguyễn Văn C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 03 con chung tên Nguyễn Thái B, sinh ngày 07-7-2014, Nguyễn Ngọc Tố M, sinh ngày 30-10-2015 và Nguyễn Ngọc Thanh H, sinh ngày 05-9-2018, mỗi tháng 3.000.000 đồng (1.000.000 đồng/tháng/01 cháu) cho đến khi các cháu thành niên (đủ 18 tuổi), thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án (ngày 10-9-2025).

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Ngọc A đối với anh Nguyễn Văn C về yêu cầu cấp dưỡng nuôi 03 con số tiền 1.500.000 đồng/03 cháu/tháng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn C phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm (cấp dưỡng nuôi con). Chị Trần Thị Ngọc A không phải án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Ngọc A, anh Nguyễn Văn C có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 11 – Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Quốc

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thanh Quốc

